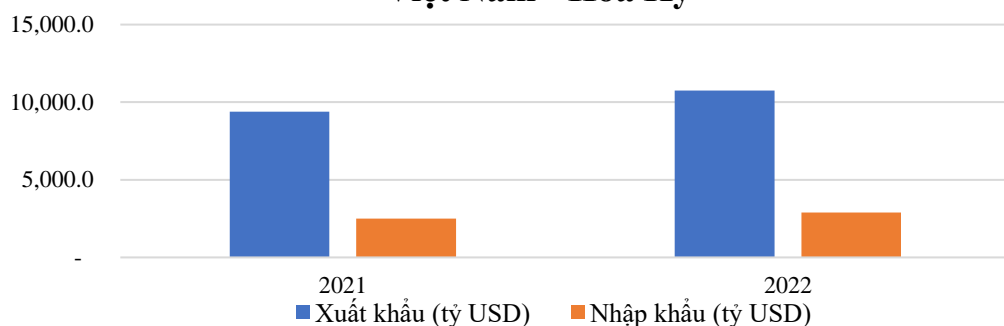


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



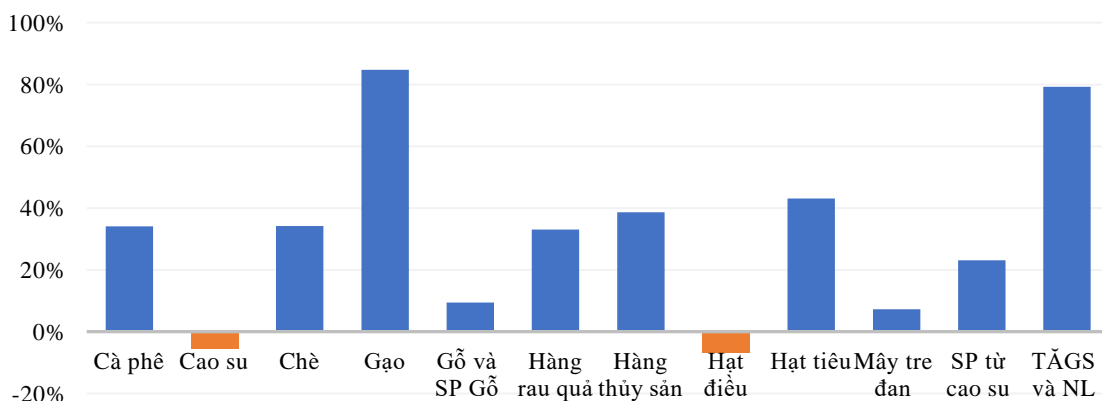
Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (8T – 2022/2021)

- Xuất khẩu ▲ 14,4%
- Nhập khẩu ▲ 16,4%

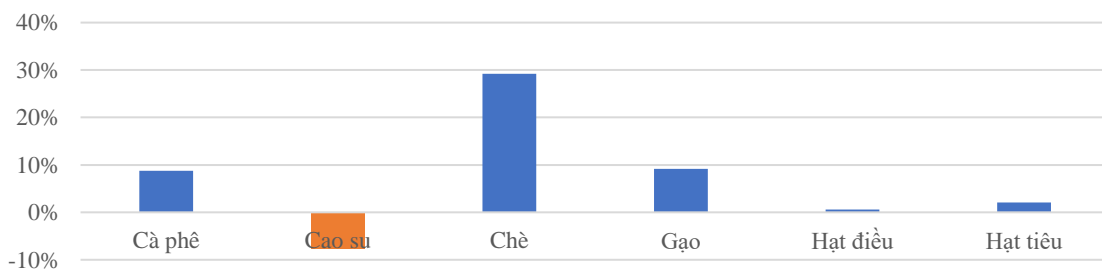
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 8T-2022 so với 8T-2021



So sánh 8T-2022/2021

- Cà phê ▲ 34%
- Cao su ▼ 5,7%
- Chè ▲ 34,2%
- Gạo ▲ 84,8%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 9,4%
- Rau quả ▲ 33%
- Thủy sản ▲ 38,7%
- Hạt điều ▼ 7%
- Hạt tiêu ▲ 43%
- Mây tre đan ▲ 7,2%
- SP từ cao su ▲ 23,1%
- TĂGS và NL ▲ 79,2%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T8/2022 so với T8/2021



So sánh giá xuất khẩu bình quân T8-2022/2021

- Cà phê ▲ 8,8%
- Cao su ▼ 7,8%
- Chè ▲ 29,2%
- Gạo ▲ 9,2%
- Hạt điều ▲ 0,6%
- Hạt tiêu ▲ 2,1%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo thông kê của Tổng cục Hải quan, trong 8 tháng đầu năm 2022, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường lớn nhất với kim ngạch xuất khẩu khoảng 10,75 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2021, tăng 24% so với 7 tháng đầu năm 2022. Trong số các nhóm mặt hàng nông lâm thủy sản, Hoa Kỳ nhập khẩu nhiều nhất là gỗ và các sản phẩm từ gỗ, thủy sản, hạt điều, sản phẩm từ cao su. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ chiếm tới 64,4%, thủy sản chiếm 16,7%, hạt điều chiếm 5,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS sang Hoa Kỳ trong 8 tháng đầu năm.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 8/2022 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 64,9%), thủy sản (15,1%), hạt điều (5,7%). So với tháng 8/2021, các mặt hàng NLTS của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ có xu hướng tăng trong đó gỗ và các sản phẩm từ gỗ giảm 99,9%, thủy sản giảm 94,5%, rau quả tăng 96,2%, sản phẩm từ cao su giảm 100,5%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đang có kế hoạch mua 653,2 tấn các sản phẩm cá da trơn cho các chương trình hỗ trợ thực phẩm của chính phủ nước này. Đây là chương trình giúp cung cấp thức ăn cho người cao tuổi và người khuyết tật đủ điều kiện tham gia chương trình “Build Back Better” của Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden. Mục tiêu của chương trình là chuyển đổi hệ thống thực phẩm nhằm mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng, nhà sản xuất và cộng đồng nông thôn bằng cách cung cấp nhiều lựa chọn hơn, tăng khả năng tiếp cận và tạo thị trường mới cho các nhà sản xuất quy mô vừa và nhỏ.

Cơ quan liên bang Hoa Kỳ tuyên bố sẽ tiến hành đợt rà soát cuối kỳ 5 năm đối với thuế áp dụng với tôm Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam để bảo vệ tôm nội địa. Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ sẽ thực hiện rà soát theo Đạo Luật Thuế quan năm 1930 để xác định xem có thu hồi các lệnh áp thuế chống bán phá giá đối với tôm nước ấm đông lạnh từ 4 nước, hay có khả năng tiếp tục hoặc có sự tái xuất hiện sự tổn thương tới ngành trong thời gian tới. Ngày rà soát chưa được xác định.

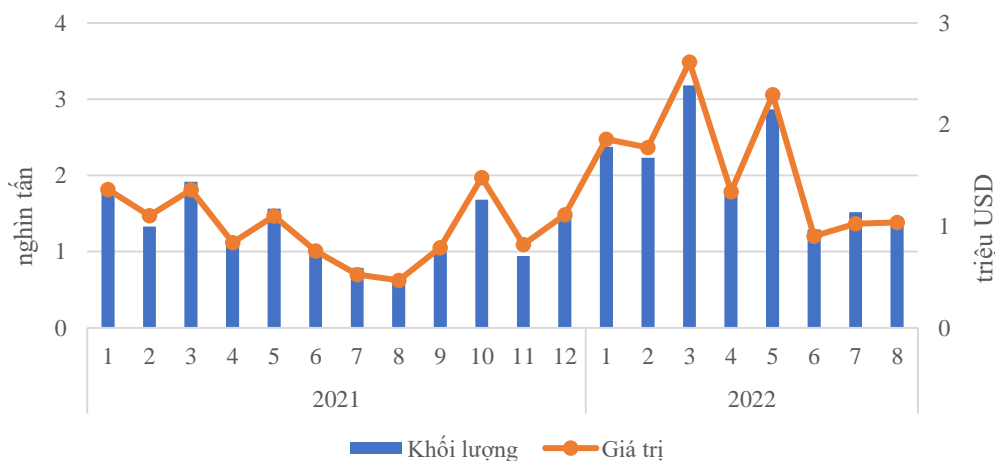
Hoa Kỳ hiện đang phải đối mặt với tình trạng lạm phát tăng cao nhất trong vòng 40 năm qua trong bối cảnh nền kinh tế lớn nhất thế giới đang phục hồi sau đại dịch COVID-19, giá nhiên liệu cùng một số hàng hóa gia tăng do cuộc khủng hoảng tại Ukraine và sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng. Theo thông kê của Bộ Tài chính nước này, lạm phát tại nước Mỹ đã tăng lên mức 8,5% trong tháng 7. Tuy nhiên, con số này vẫn gần với mức đỉnh 40 năm được thiết lập vào tháng 6 ở mức 9,1%. Để đối phó lạm phát, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) năm nay đã nâng lãi suất 4 lần và tiếp tục tăng phụ thuộc vào nền kinh tế.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2022, Việt Nam xuất khẩu được 1,4 nghìn tấn gạo, trị giá 1,0 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 7,2% về khối lượng nhưng tăng 1,3% về giá trị so với tháng trước; và tăng 110,8% về khối lượng và 121,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2022 đạt 16,7 nghìn tấn, trị giá 12,9 triệu USD, tăng 64,2% về khối lượng và 70,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

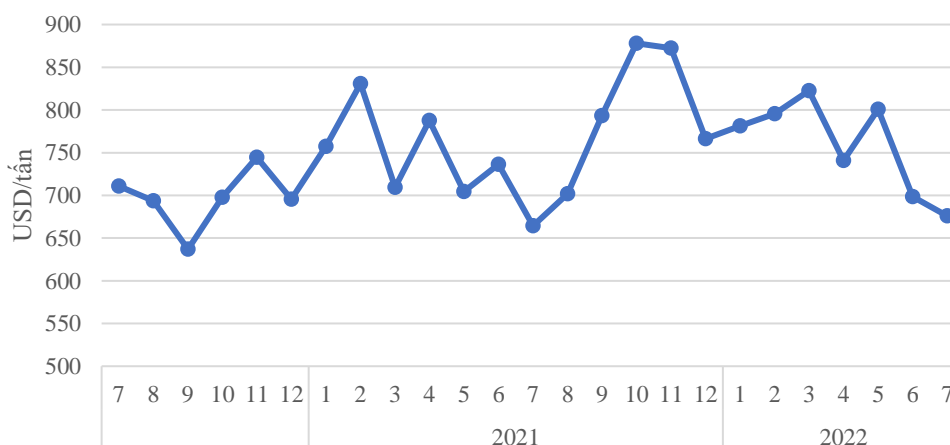
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2022 đạt 737,9 USD/tấn, tăng 9,2% so với tháng trước và 5,1% so với cùng kỳ năm 2021.

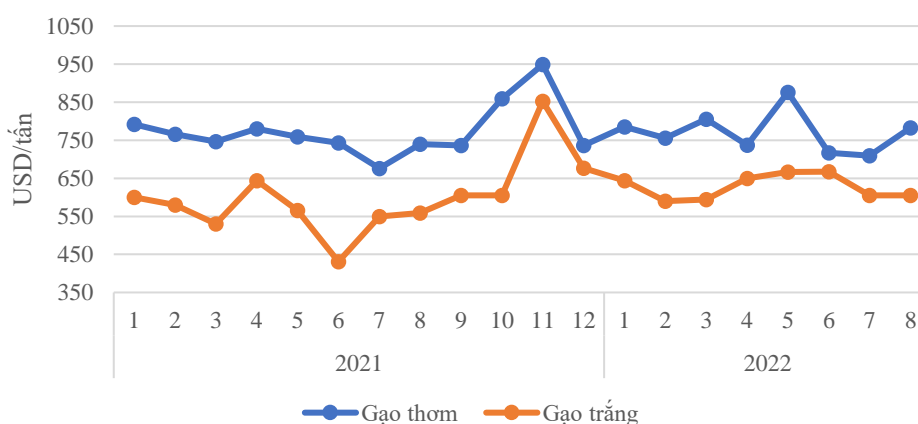
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 0,8 nghìn tấn, trị giá 0,6 triệu USD (chiếm 55,1% về khối lượng và 55,6% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 98,9% về khối lượng và 94,8% về giá trị. Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 8/2022 đạt trung bình 782,5 USD/tấn, tăng 10,3% so với tháng trước và 5,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



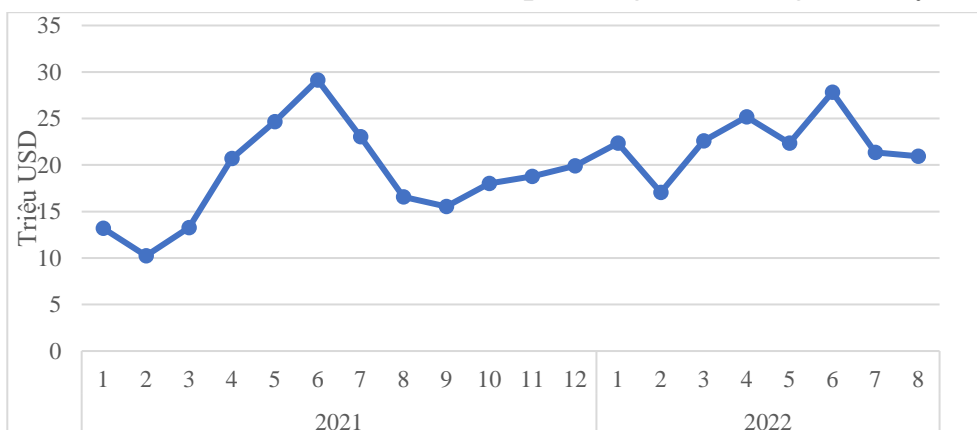
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8 năm 2022 đạt 20,9 triệu USD, chiếm 7,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 1,9% so với tháng trước và tăng 26,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 8 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 179,2 triệu USD, chiếm 8,2% thị phần, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

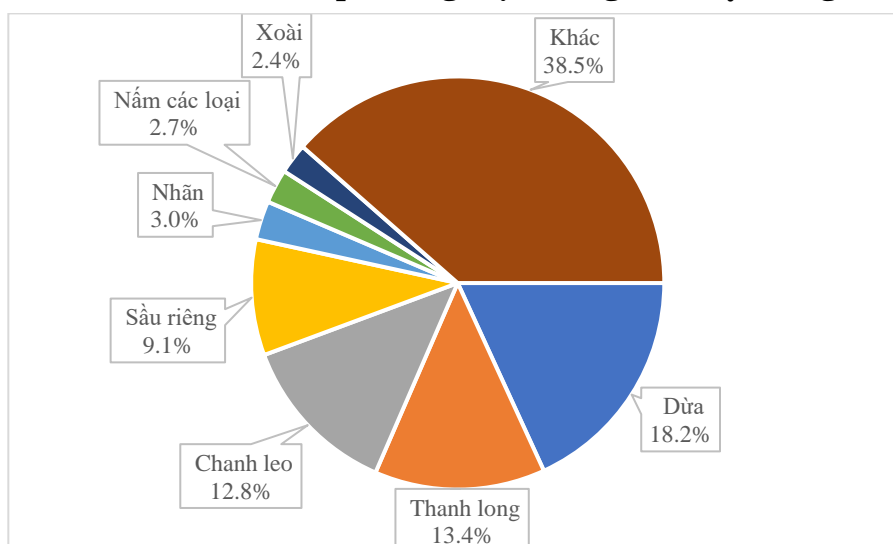


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 8 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 8,96 triệu USD (chiếm 42,8% thị phần, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 11,98 triệu USD (chiếm 57,2% thị phần), tăng 71,4%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 8,1 triệu USD, tăng 87,2% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 1,9 triệu USD (tăng 20,7%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 928,8 nghìn USD (tăng 25,7%); v.v.

Trong tháng 8 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dứa đạt 3,8 triệu USD (chiếm 18,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 60,9% so với cùng kỳ năm 2021; thanh long đạt 2,8 triệu USD (chiếm 13,4%), giảm 26,4%; chanh leo đạt 2,7 triệu USD (chiếm 12,8%), tăng 201,3%; sầu riêng đạt 1,9 triệu USD (chiếm 9,1%), giảm 40,0%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8 năm 2022

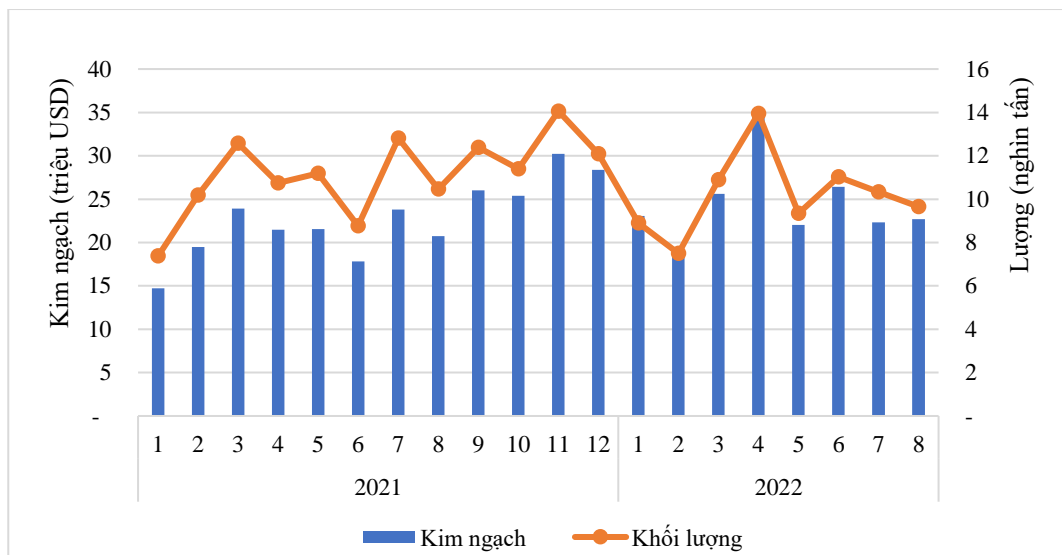


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 8 năm 2022 đạt 35,1 triệu USD, chiếm 17,8% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 83,0% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 8 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 213,5 triệu USD, chiếm 17,0% thị phần, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 8/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt 13,5 triệu USD, chiếm 38,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 108,4% so với cùng kỳ năm 2021; nho đạt 7,9 triệu USD (chiếm 22,4%), tăng 67,2%; hạnh nhân đạt 7,9 triệu USD (chiếm 22,4%), tăng 87,3%; anh đào đạt 2,2 triệu USD (chiếm 6,1%), tăng 143,9%; khoai tây đạt 1,9 triệu USD (chiếm 5,5%), tăng 206,0%; v.v.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 8/2022 ước đạt 9,7 nghìn tấn với trị giá 22,7 triệu USD, giảm 6,6% về khối lượng và tăng 1,6% về giá trị so với tháng trước, và giảm 7,7% về khối lượng và tăng 9,4% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

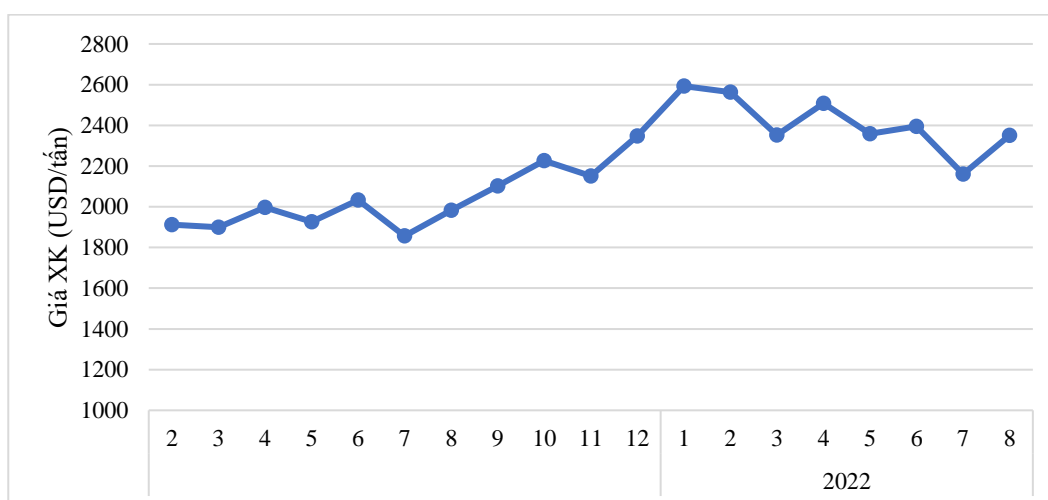
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.351 USD/tấn, tăng 8,8% so với tháng trước và tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2021.

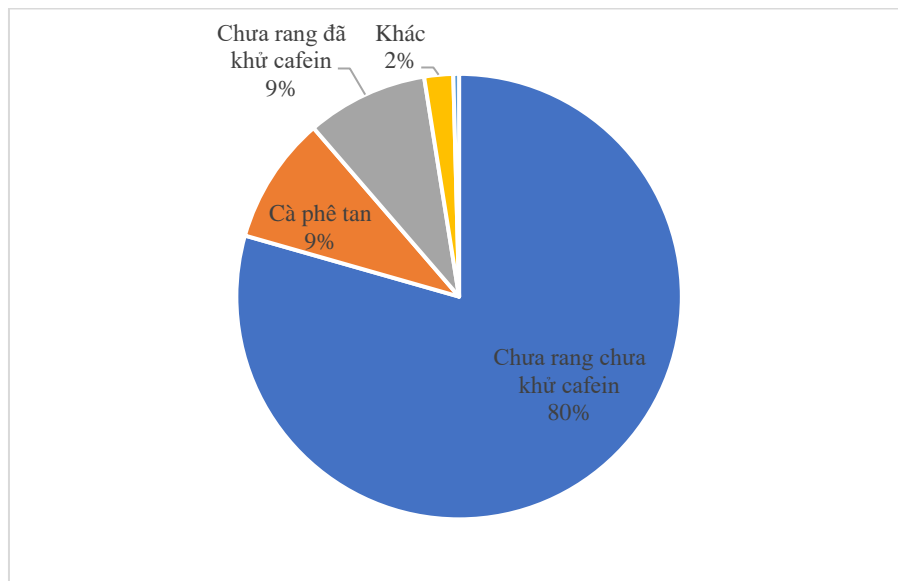
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 18,0 triệu USD, chiếm 79,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 2,1 triệu USD, chiếm 9,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử caffein và cà phê đã rang chưa khử caffein, chiếm lần lượt 8,8% và 0,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 08/2022

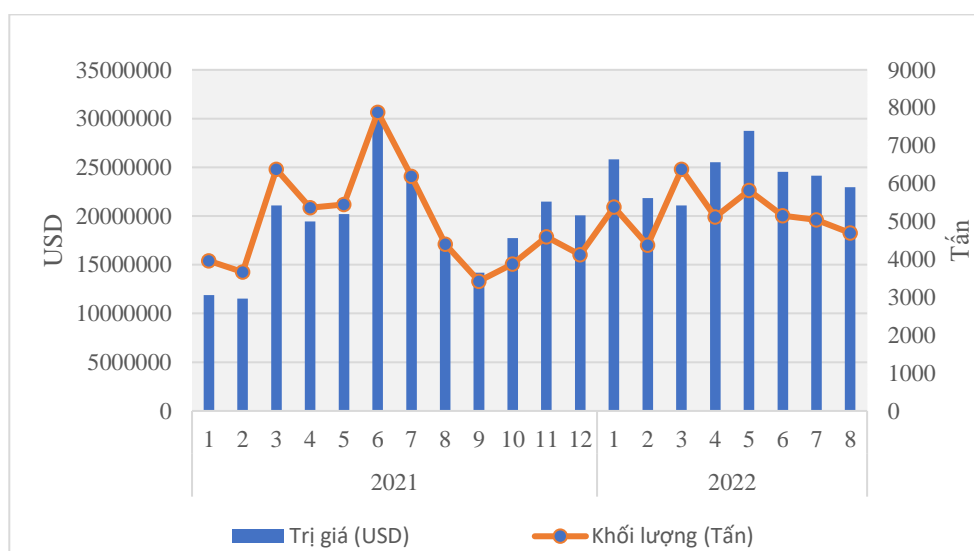


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 8/2022 đạt 4.698 tấn, tương ứng với 22,96 triệu USD, giảm 6,82% về khối lượng và 4,87% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này tăng 6,77% về khối lượng và 34,36% về giá trị.

Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

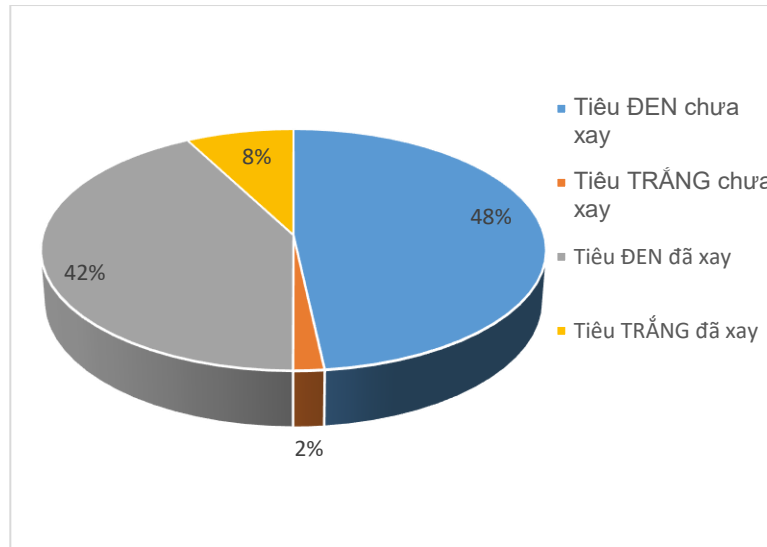


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 48% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang

Hoa Kỳ, tăng 11,54% so với năm trước và giảm 16,28% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 42%, tăng 19,92% so với tháng trước và 98,23% so với năm trước. Đứng thứ 3 là tiêu trắng chưa xay chiếm 8%.

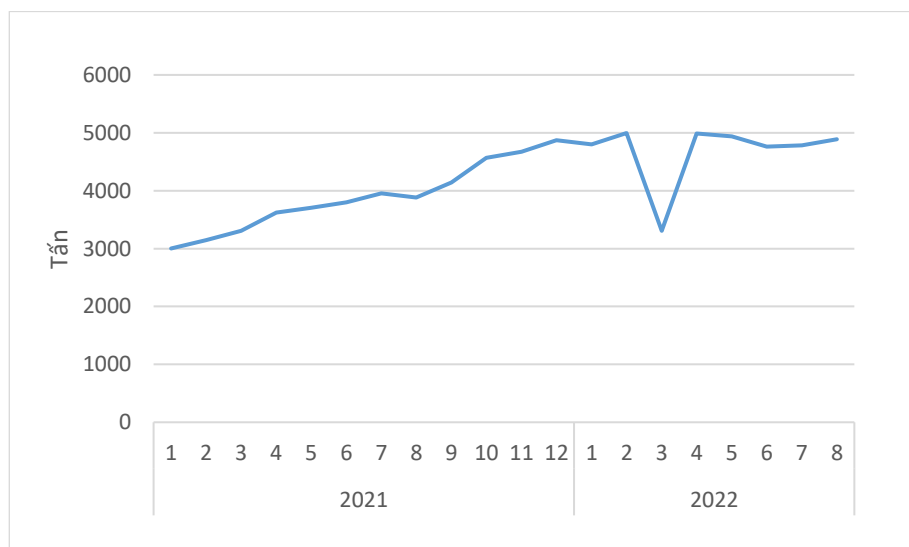
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 8/2022 đạt 4.886 USD/tấn, tăng 2,1% so với tháng trước và 25,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 11: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

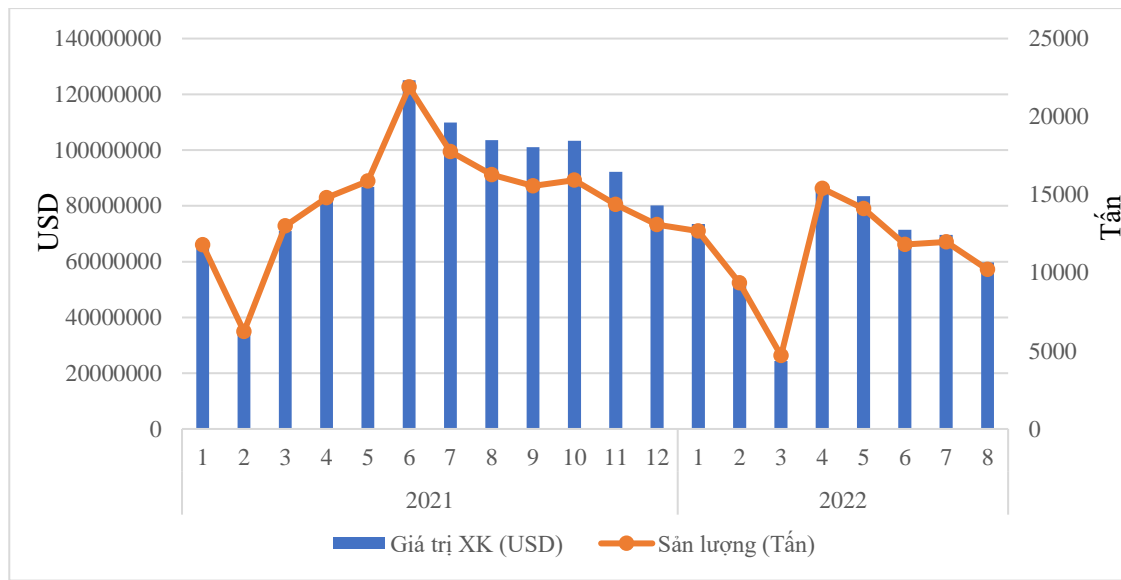


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2022, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 10,209 nghìn tấn, trị giá 59,661 triệu USD, giảm 14,7% về khối lượng và giảm 14,2% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu điều sang thị trường này cũng giảm 37,3% về khối lượng và 42,4% về giá trị.

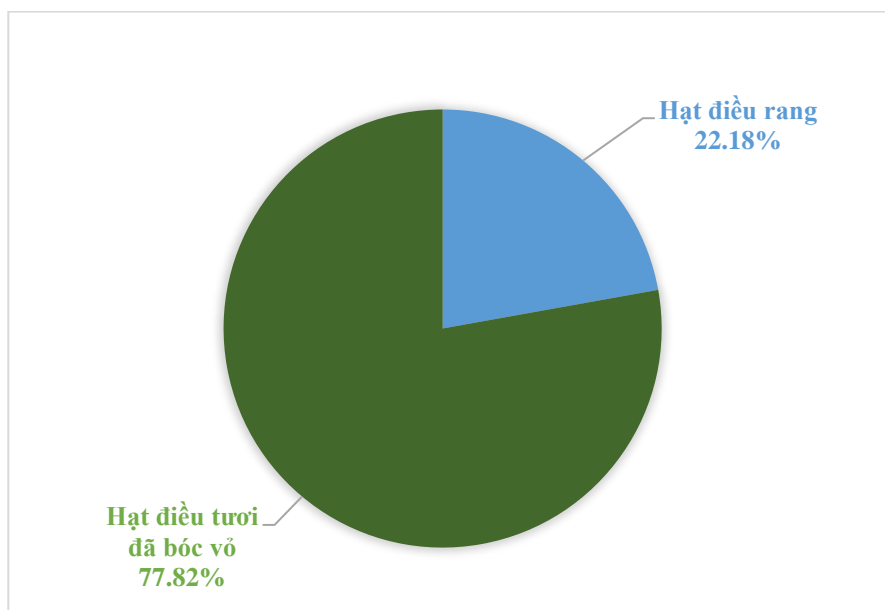
Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 77,82%, đạt 46,4 triệu USD, giảm 12,6% so với tháng trước và 52,7% so với cùng kỳ năm 2021. Hạt điều rang đạt 13,2 triệu USD chiếm 22,18% và tăng 26,4% so với tháng trước.

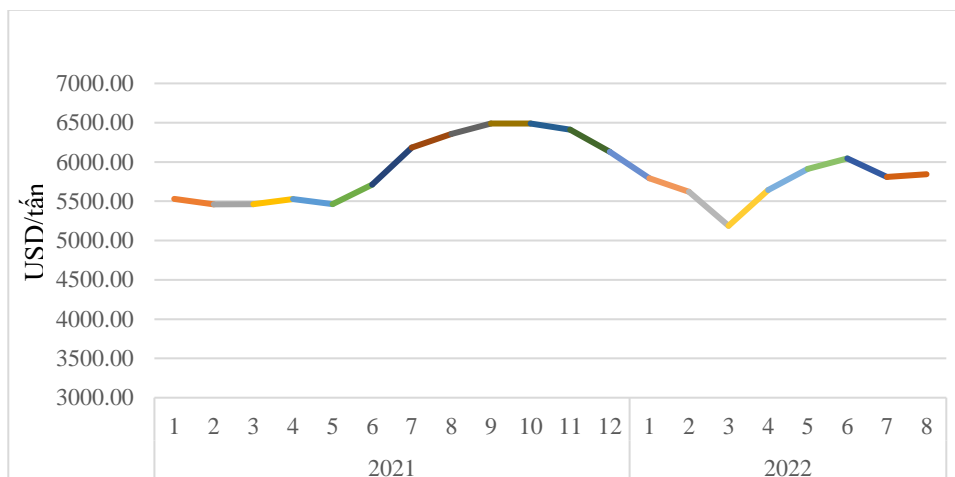
Hình 13: Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ bình quân tháng 8/2022 đạt 5.844 nghìn USD/tấn, giảm 8,1% so với tháng trước và tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,6 USD/kg, giảm 1,3% so với tháng trước và 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



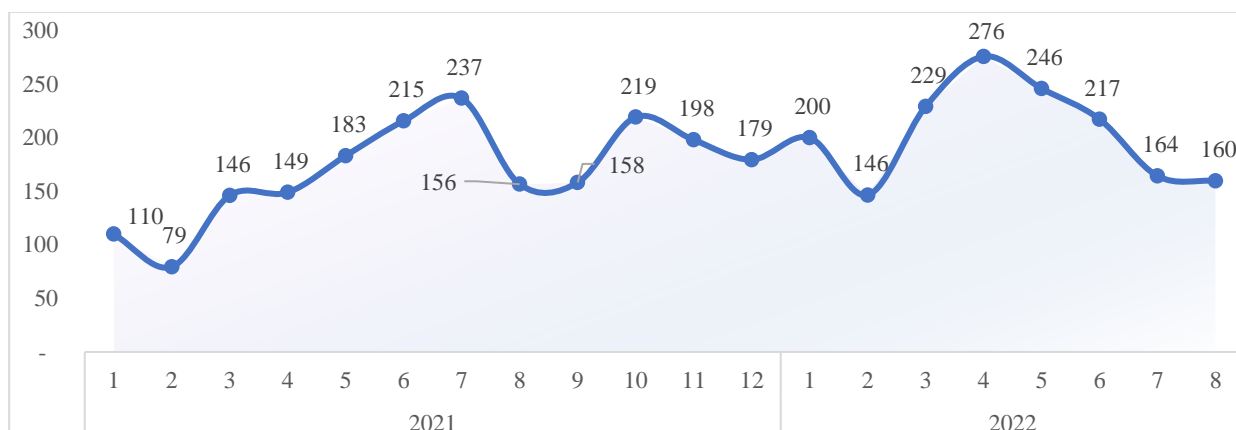
Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỦY SẢN

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam nhưng có xu hướng giảm mạnh so với tháng trước. Theo tổng cục hải quan, tháng 8/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 159,5 triệu USD, chiếm 16,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 8 tháng đầu năm 2022 đạt 1,64 tỷ USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2022

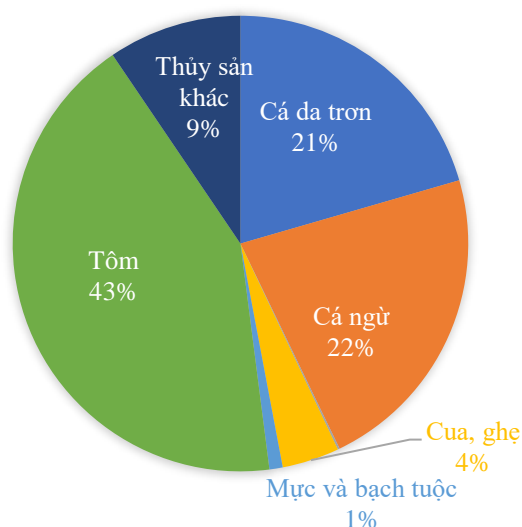
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hoa Kỳ vẫn là thị trường thủy sản lớn nhất của Việt Nam và vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục xu hướng chững lại kể từ tháng 4/2022 do lạm phát và nhu cầu tiêu thụ nội địa đang có xu hướng giảm. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 8/2022, chiếm 42,6%, cá ngừ chiếm 22,3%.

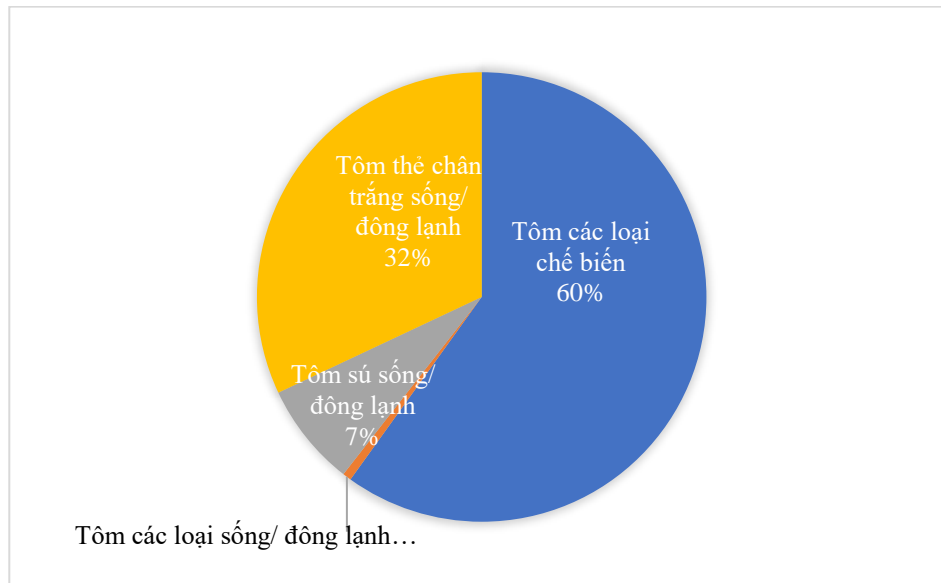
Hình 16: Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 8/2022, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 40,7 triệu USD, chiếm 59,9% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 13,6% so với tháng 8/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 21,7 triệu USD, chiếm 32%, giảm 51,7%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 5,1 triệu USD, chiếm 7,5%, giảm 52,5%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,4 triệu USD, chiếm 0,6%, giảm 65%.

Hình 17: Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 8/2022, giá trị xuất khẩu cá da trơn có xu hướng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, tăng 43,9% và 2,7% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 32,2 triệu USD, tăng 42,3% so với năm 2021 và 2,7% so với tháng 7/2022. Cá tra sống/đông lạnh, trừ phi lê đạt 0,5 triệu USD, tăng 349,8% so với cùng kỳ năm trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 8/2022 như sau: Cá ngừ đạt 35,6 triệu USD, tăng 64,6% so với tháng 8/2021; cua, ghẹ đạt 6,5 triệu USD, tăng 58,3%; mực bạch tuộc đạt 1,5 triệu USD, giảm 26,7% và thủy sản khác đạt 15,1 triệu USD, tăng 11,6%.

Tháng 8/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 12,2 USD/kg, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 6,3USD/kg, tăng 28,3%. Cụ thể

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	6.3	28.3%	3.4%
2	Cá ngừ	13.8	31.8%	5.8%
3	Cua, ghẹ	22.8	22.6%	-0.9%
4	Mực và bạch tuộc	10.9	-2.4%	-22.4%
5	Tôm	12.2	1.8%	6.1%

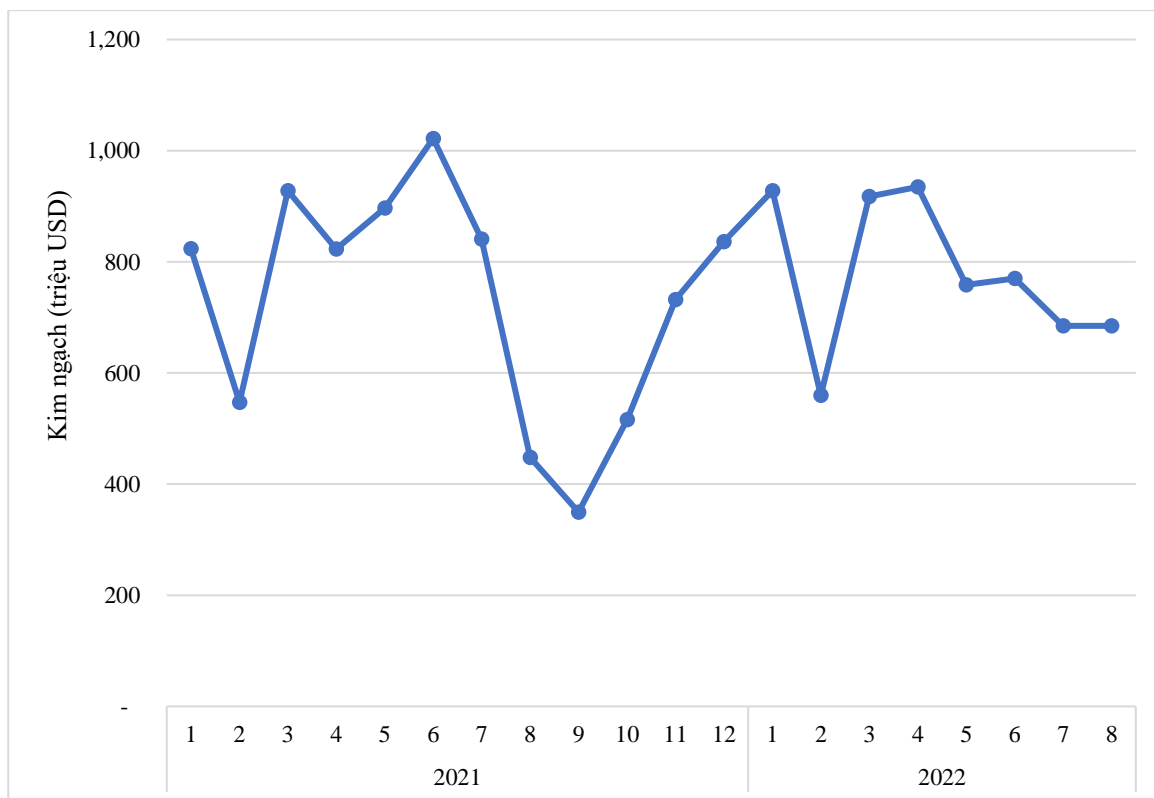
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo thông tin mới nhất từ Bộ Công Thương, ngày 12/9/2022, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) thông báo gia hạn lần thứ tư thời gian ban hành kết luận cuối cùng vụ việc điều tra lẩn tránh thuế chống bán phá giá (CBPG) và thuế chống trợ cấp (CTC) đối với gỗ dán sử dụng nguyên liệu gỗ cứng nhập khẩu từ Việt Nam. Theo đó, kết luận cuối cùng dự kiến được ban hành vào ngày 31 tháng 01 năm 2023.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 08/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 684,8 triệu USD, tương đương so với tháng trước và tăng 52,9% so với cùng kỳ năm 2021.

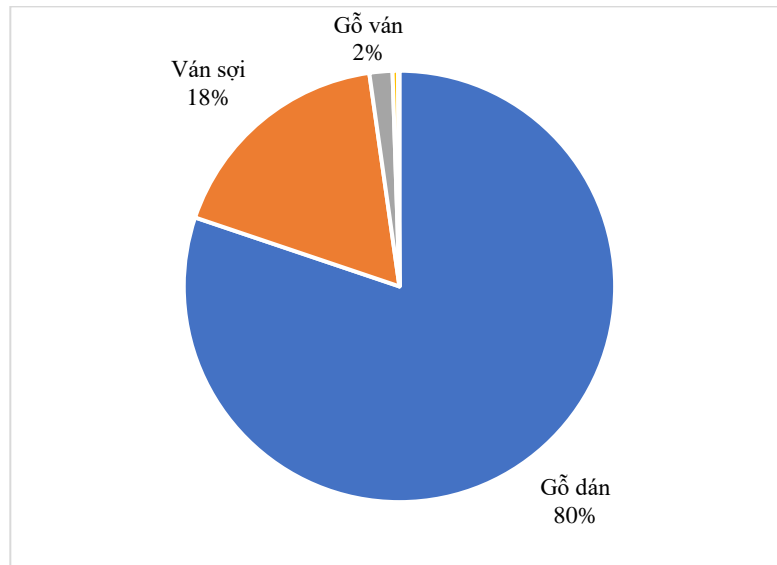
Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 08/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 15,7 triệu USD, chiếm 80,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 3,4 triệu USD, chiếm 17,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ ván và tấm gỗ lạng, chiếm lần lượt 1,7% và 0,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 19: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 08/2022

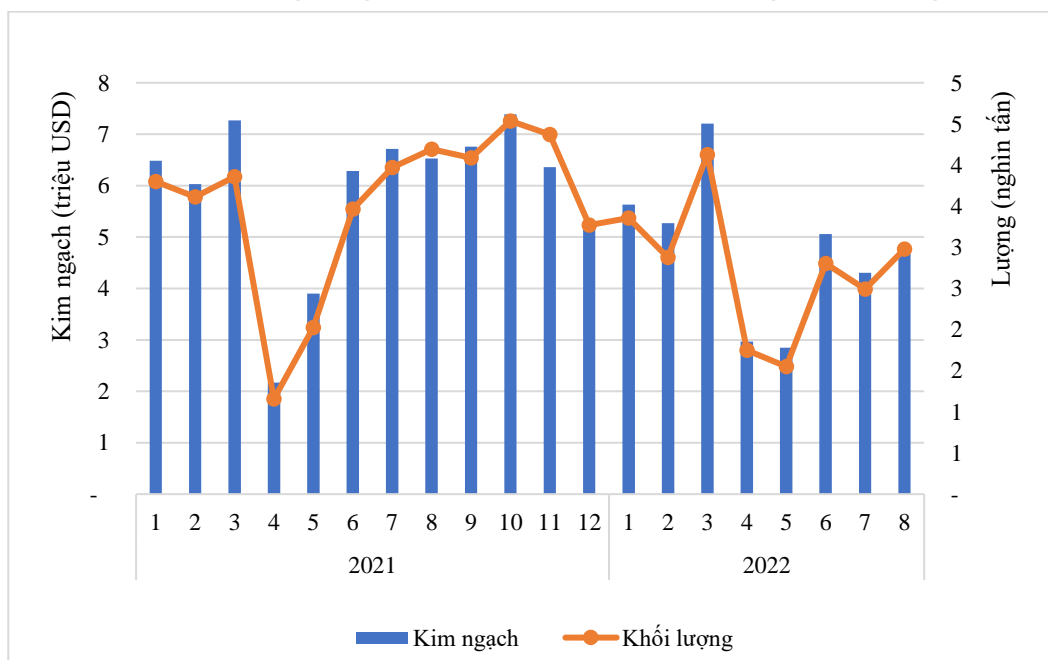


Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 08/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 2,98 nghìn tấn với trị giá 4,74 triệu USD, tăng 19,5% về khối lượng và 10,2% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu cao su sang Hoa Kỳ giảm 28,9% về khối lượng và 27,3% về giá trị.

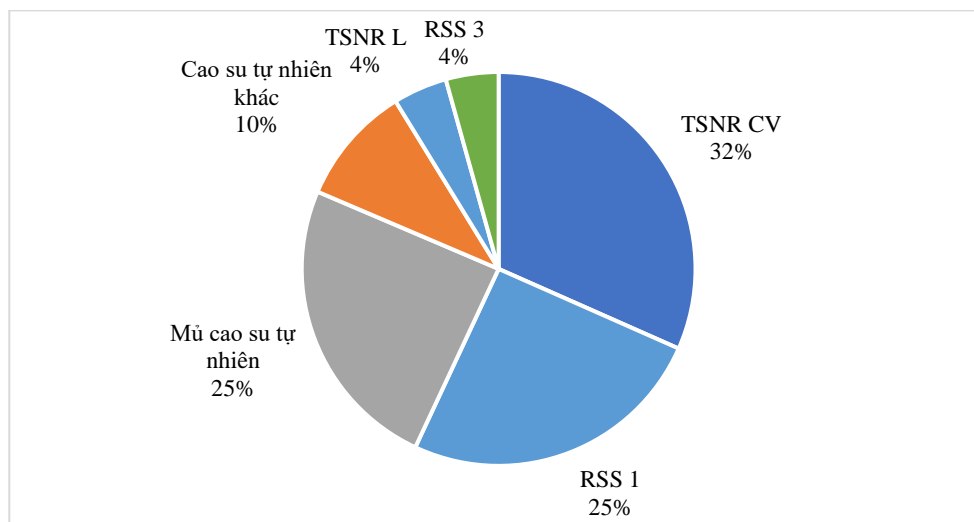
Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 08/2022, TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4004) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt gần 1,5 triệu USD, chiếm 31,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ 2 là RSS 1 với kim ngạch 1,2 triệu USD chiếm 25,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là mù cao su tự nhiên đạt giá trị 1,16 triệu USD chiếm 24,5% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR L và RSS 3 chiếm lần lượt 4,4% và 4,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

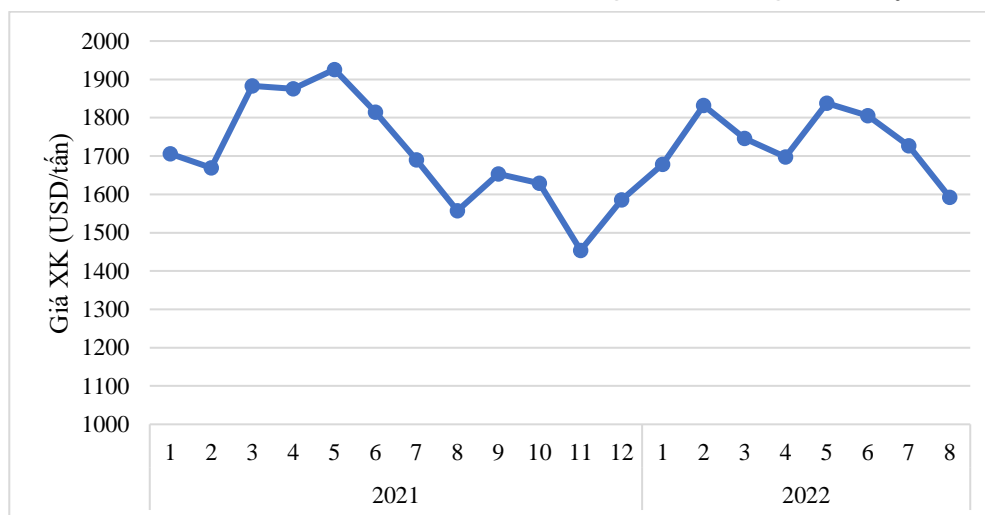
Hình 21: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 08/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 08/2022 đạt mức 1.592 USD/tấn, giảm 7,8% so với tháng trước và tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 22: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Hồ tiêu

Chỉ số giá tiêu dùng tại Mỹ (CPI) trong tháng 8 cho thấy tỷ lệ lạm phát vẫn ở mức cao. Điều này khiến cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục hành động mạnh tay để kiểm soát tình hình. Lạm phát tăng cao làm suy giảm nhu cầu đối với hàng hóa không thiết yếu như hạt tiêu.

2. Hạt điều

Các nền kinh tế lớn suy thoái, lạm phát tăng cao khiến người tiêu dùng có xu hướng chi tiêu tiết kiệm. Đây sẽ là rào cản khiến Hoa Kỳ giảm nhập khẩu hạt điều trong các tháng còn lại của năm 2022, bất chấp nhu cầu tiêu thụ có thể tăng trong dịp cuối năm.

3. Thủy sản

Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn của thủy sản Việt Nam. Mặc dù, lạm phát ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng của người dân ở quốc gia này nhưng một số mặt hàng thủy sản tầm trung có xu hướng tăng mạnh như cá tra. Dự báo, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này vẫn giữ ổn định, tăng giá trị xuất khẩu xuất khẩu cá tra, giảm giá trị xuất khẩu một số mặt hàng như tôm, hải sản.

4. Gỗ và sản phẩm gỗ

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại cho biết áp lực lạm phát gia tăng tại Mỹ đang tác động tiêu cực tới xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của các doanh nghiệp Việt Nam, bởi đây là thị trường xuất khẩu chủ lực, kim ngạch chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu xuất khẩu của ngành gỗ. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Mỹ đã tăng trong những tháng đầu năm, nhưng từ tháng 7 tới nay, doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Mỹ đã gặp rất nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp đang sụt giảm đơn hàng và thậm chí không có đơn hàng cho mùa vụ mới. Sức ép lạm phát buộc người tiêu dùng Mỹ phải thắt chặt chi tiêu, trong khi đó gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ không phải là mặt hàng thiết yếu.

5. Cao su

Tại Mỹ, giá nhiên liệu và nhu cầu chung về năng lượng dự kiến sẽ giảm và làm giảm áp lực đối với giá cả, đặc biệt là chi phí vận tải. Điều này sẽ là tín hiệu lạc quan cho việc xuất khẩu cao su của Việt Nam trong những tháng cuối năm 2022.

6. Cà phê

Cục Xuất nhập khẩu đưa ra gợi ý về quy mô thị trường cà phê Hoa Kỳ đang tăng trưởng trong vài năm gần đây và dự kiến sẽ tăng trưởng tốt, bình quân 6,74% trong giai đoạn 2020-2027. Nhờ lợi ích sức khỏe liên quan đến cà phê cùng với xu hướng tiêu dùng thay đổi được dự đoán sẽ thúc đẩy thị trường cà phê Hoa Kỳ.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 8/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 8/2022 (USD)	Tăng/giảm so T7/2022	Tăng /giảm so T8/2021	Tỷ trọng T8/2022
1	Cà phê	45.392.558	103,3%	118,9%	2,1%
2	Cao su	9.487.622	120,5%	45,4%	0,4%
3	Chè	1.188.186	107,1%	70,7%	0,1%
4	Gạo	2.077.956	102,6%	343,2%	0,1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	1.369.645.666	99,9%	205,7%	64,9%
6	Hàng rau quả	41.882.486	96,2%	152,8%	2,0%
7	Hàng thủy sản	319.055.606	94,5%	104,0%	15,1%
8	Hạt điều	119.321.496	71,6%	15,2%	5,7%
9	Hạt tiêu	45.912.906	90,3%	168,7%	2,2%
10	Mây tre đan	47.400.634	108,6%	76,6%	2,2%
11	SP từ cao su	75.410.048	100,5%	241,8%	3,6%
12	TĂGS &NL	34.541.190	113,5%	2066,0%	1,6%
Tổng XK NLTS		2.111.316.354			

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 8/2022

Loại sản phẩm	Tháng 8/2021		Tháng 8/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	390	296.720	775	577.962	98,9%	94,8%
Gạo trắng	58	48.922	428	329.380	633,6%	573,3%
Các loại gạo khác	220	123.233	204	131.636	-7,0%	6,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 8/2022

TT	Sản phẩm	T8/2021	T8/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T8.2022/T8.2021
	Tổng giá trị XK	16.565.337	20.941.243	26,4%
1	Dừa	2.363.067	3.801.140	60,9%
2	Thanh long	3.804.490	2.798.879	-26,4%
3	Sầu riêng	890.937	2.684.010	201,3%
4	Nấm các loại	3.171.337	1.901.355	-40,0%
5	Xoài	683.873	634.172	-7,3%
6	Vải	289.695	559.125	93,0%
7	Nhãn	434.018	495.199	14,1%
8	Bưởi	266.998	404.282	51,4%
9	Khác	4.660.921	7.663.081	64,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 8/2022

Mặt hàng	T08/2021 (USD)	T08/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	17.810.376	18.021.848	1,19%
Cà phê tan	1.804.886	2.098.393	16,26%
Chưa rang đã khử cafein	130.520	2.001.098	1433,18%
Khác	745.033	476.425	-36,05%
Đã rang chưa khử cafein	244.338	94.518	-61,32%
Đã rang đã khử cafein	1.710		-100,00%
Tổng	20.736.863	22.692.283	9,43%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 8/2022

Loại sản phẩm	Tháng 8/2022 (USD)	Tháng /2021 (USD)	So sánh 2022/21(%)
Cá da trơn	6.3	28.3%	3.4%
Cá ngừ	13.8	31.8%	5.8%
Cá rô phi	22.8	22.6%	-0.9%
Cua, ghe	10.9	-2.4%	-22.4%
Mực và bạch tuộc	12.2	1.8%	6.1%
Tôm	6.3	28.3%	3.4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan